

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B2LX**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02213**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Sinh thái nông nghiệp và PTBV**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201162902	Nguyễn Trí Ân	29/10/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
2	2256201162904	Từ Chí Dũng	27/04/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
3	2256201162905	Ngô Võ Thúy Duyên	20/03/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
4	2256201162906	Nguyễn Hữu Đoàn	22/04/2007			7	7.5	5.0		0.0	0.0	2.6
5	2256201162907	Trương Gia Hân	12/07/2007			8.5	8.0	9.0		6.0		7.0
6	2256201162910	Nguyễn Hoàng Khang	09/02/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2256201162911	Trần Nhựt Khanh	10/06/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	2256201162912	Cao Tuệ Mẫn	08/04/2007			8.5	9.0	9.0		6.0		7.2
9	2256201162913	Trần Thái Nam	20/09/2007			8	8.0	9.0		5.5		6.7
10	2256201162914	Trần Kim Ngọc	13/12/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2256201162915	Trần Thị Kim Ngọc	05/09/2007			8	8.0	9.0		6.0		7.0
12	2256201162916	Lại Thị Tuyết Nhi	23/05/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2256201162917	Nguyễn Lê Hiệp Phát	23/02/2007			7	7.0	9.0		7.5		7.6
14	2256201162918	Vũ Thị Bích Phương	08/08/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
15	2256201162919	Chau Rék Smây	03/10/2007			7.5	7.0	9.0		0.0	0.0	3.2
16	2256201162920	Nguyễn Chí Tài	24/02/2007			8.5	8.0	7.0		5.0		6.1
17	2256201162921	Tô Thiện Tâm	08/09/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
18	2256201162922	Đỗ Bảo Thy	12/09/2007			9	9.5	5.0		6.0		6.6
19	2256201162923	Lê Thị Mỹ Tiên	22/11/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
20	2256201162924	Nguyễn Minh Trí	14/08/2007			8	7.5	7.0		5.0		6.0
21	2256201162926	Trần Thành Trung	24/12/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
22	2256201162927	Nguyễn Thị Ngọc Vy	11/05/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 12 tháng 10 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thị Ngọc An